TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2021/DS-PT
Ngày: 22/3/2021
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Bà Hoàng Thị Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Ngô Phương Liên- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLPT-DS ngày 12/01/2021 về : "Tranh chấp đòi tài sản (tiền)".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 201/2020/DS-ST ngày 28+31/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXX-PT ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội - giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông N.V.T, sinh năm 1951;

Bà N.T.T, sinh năm 1952.

Cùng trú tại: xóm Bãi, xã U.N, huyện Đ.A, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T: Công ty Luật TNHH Minh T. Trụ sở: Tầng 4 Tòa nhà H T P, số 102 phố T T, phường T L, quận Đ Đ, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông L Đ V - Giám đốc Công ty. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà N K N. Có mặt.

2. Bị đơn: Hợp tác xã nông nghiệp C.L- nay là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.L. Trụ sở: xã C.L, huyện Đ.A, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang M - Chủ tịch HĐQT - Giám đốc HTX. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã C.L, huyện Đ.A, Hà Nội. Trụ sở: xã C.L, huyện Đ.A, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim N - Chủ tịch UBND xã. Người đại diện theo ủy quyền: Ông

Nguyễn Khả N - Phó Chủ tịch UBND xã. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Ông N.V.T, bà N.T.T - nguyên đơn;

4.2. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.L- bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông N.V.T và bà N.T.T trình bày:

Ngày 9/1/1994 do có sự phê duyệt của Uỷ ban nhân dân xã C.Lnên Hợp tác xã C.L(nay là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.L) đã thu của ông N.V.T và bà N.T.T số tiền 40.000.000đ theo Phiếu thu số 06 ngày 9/1/1994 tiền mua đất. Hiện nay ông T và bà T chỉ giữ phiếu thu bản photo.

Mặc dù đã nộp tiền mua đất nhưng vợ chồng ông T không biết cụ thể thửa đất nào chỉ biết đó là tiền mua 01 suất đất tại khu Đ L. Và khi mua thửa đất chưa được hình thành và cũng chưa thỏa thuận gì về giá cả, vị trí và diện tích thửa đất.

Sau nhiều lần trao đổi với Uỷ ban nhân dân xã thì ông bà được biết: ông bà không đủ điều kiện để được giao đất; thông báo này ông bà cũng chỉ được nghe bằng miệng mà không có văn bản cụ thể. Uỷ ban nhân dân xã C.Lvà Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.Lkhông đưa ra được biện pháp gì để giải quyết việc ông bà đã nộp tiền nhưng không được nhận đất.

Đến 2003, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.Ltrả lại cho ông bà 3.000.000đ và có nói do điều kiện khó khăn nên Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.Lchưa trả được hết số tiền 40.000.000đ và cũng không đưa ra được kế hoạch sẽ trả nốt tiền còn lại cho ông bà.

Năm 2018, ông bà yêu cầu Uỷ ban nhân dân xã C.Lvà Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.Lgiải quyết dứt điểm. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.Lđã nhận trách nhiệm trả nốt số tiền 37.000.000đ cho ông bà.

Do chưa được nhận nốt số tiền đã nộp, ông bà đã khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C.Lphải giao đất cho ông bà. Nhưng quá trình giải quyết ông bà tự nguyện rút yêu cầu này, và chỉ yêu cầu Uỷ ban nhân dân xã C.Lvà Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.Lcó trách nhiệm trả số tiền 37.000.000đ và tiền lãi kể từ 10/1/1994 đến thời điểm 31/12/2003 trên nợ gốc 40.000.000đ + lãi trên số tiền 37.000.000 kể từ ngày 01/01/2004 đến 08/10/2020. Lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng. Cộng = 147.518.269đ.

Bị đơn Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp - Kinh doanh tổng hợp C.Ltrình bày (sau đây gọi tắt là Hợp tác xã C.L): Hợp tác xã C.Lthừa nhận có nhận số tiền 40.000.000đ của ông T và bà T như ông bà đã trình bày. Theo sự điều tiết của Ủy

ban nhân dân xã C.L, Hợp tác xã C.Lđã dùng số tiền này để trả tiền điện của Hợp tác xã C.Ltừ năm 1994.

Thực chất số tiền mà vợ chồng ông T nộp là để đặt cọc tham gia đấu thầu mua đất tại khu Đống Lủi theo chủ trương của Uỷ ban nhân dân huyện giao cho UBND xã C.Lđấu thầu. Do vợ chồng ông T không đủ điều kiện để được tham gia đấu thầu nên UBND xã C.Lđã chỉ đạo Hợp tác xã C.Lhoàn lại cho ông bà Trọng số tiền 40.000.000đ đã thu. Nhưng đến nay Hợp tác xã C.Lmới hoàn trả cho ông bà 3.000.000đ còn 37.000.000đ chưa trả được. Cũng tại thời điểm ông bà nộp tiền đặt cọc có 1 số khác cũng nộp và sau này họ không đủ điều kiện tham gia đấu thầu nữa nên đã nhận đủ số tiền đặt cọc. Còn ông T và bà T không đồng ý nhận lại tiền đặt cọc mà yêu cầu được giao đất. Từ năm 2005 đến nay, Hợp tác xã C.Lkhông nhận được bất cứ yêu cầu nào của vợ chồng ông T về việc đòi lại số tiền còn lại là 37.000.000đ.

Nay Hợp tác xã C.Lxác định còn nợ ông bà số tiền 37.000.000đ thì sẽ có trách nhiệm trả. Còn tiền lãi của số tiền đặt cọc mà vợ chồng ông T yêu cầu, Hợp tác xã C.Lđề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Theo quan điểm của Hợp tác xã C.Lthì số tiền đặt cọc là do ông bà tự nguyện nộp, Hợp tác xã C.Lkhông vay mượn nên không nhất trí trả lãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã C.Ltrình bày:

Năm 1994, Hợp tác xã Nông nghiệp C.L(nay là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.L) có thu tiền của ông T, bà T và có đề nghị UBND xã C.Lđiều tiết cho 01 suất đất dãn dân ở khu Đống Lủi. Nhưng xét về tiêu chuẩn thì ông bà không đủ nên UBND xã không thể duyệt 01 suất đất dãn dân theo đề nghị của Hợp tác xã C.Lđược.

Ông T, bà T có đơn khiếu nại và khiếu kiện. Tại Kết luận số 08/KL ngày 05/6/1995 của Thanh tra huyện Đ.A thì Hợp tác xã C.Lphải có trách nhiệm thanh toán trả lại ông T, bà T số tiền đã thu. Nhưng đến nay Hợp tác xã C.Lvẫn chưa trả đủ cho ông bà số tiền mà ông bà đã nộp. Do thời gian đã lâu nên UBND xã không lưu giữ bản kết luận này.

UBND xã nhận trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo Hợp tác xã C.Lhoàn trả đủ tiền cho ông T và bà T. UBND xã không chấp nhận trả tiền lãi cho ông bà.

Bản án sơ thẩm số 201/2020/DS-ST ngày 28+31/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp đòi tài sản (tiền)" của ông N.V.T và bà N.T.T đối với Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp - Kinh doanh Tổng hợp C.L(trước đây là Hợp tác xã Nông nghiệp C.L).

2- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông N.V.T và bà N.T.T về việc

buộc Ủy ban nhân dân xã C.Lphải giao đất cho ông N.V.T và bà N.T.T.

3- Không chấp nhận yêu cầu của ông N.V.T và bà N.T.T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C.Lphải có trách nhiệm liên đới trong việc thanh toán trả khoản tiền gốc và tiền lãi cho ông T và bà T.

4- Không chấp nhận yêu cầu của ông N.V.T và bà N.T.T về việc buộc Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp - Kinh doanh Tổng hợp C.L(trước đây là Hợp tác xã Nông nghiệp C.L) phải thanh toán khoản tiền lãi đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 05/8/1995 đến ngày 31/12/2003 với số tiền lãi là 30.240.000 đồng.

5- Buộc Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp - Kinh doanh Tổng hợp C.L(trước đây là Hợp tác xã Nông nghiệp C.L) phải thanh toán trả cho ông N.V.T và bà N.T.T số tiền gốc là 37.000.000 đồng (Ba bảy triệu đồng), số tiền lãi là 56.027.250 đồng (Năm sáu triệu, không trăm hai bảy nghìn, hai trăm năm mươi đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 93.027.250 đồng (Chín ba triệu, không trăm hai bảy nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

6- Kể từ ngày 29/10/2020 hàng tháng Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp - Kinh doanh Tổng hợp C.L(trước đây là Hợp tác xã Nông nghiệp C.L) còn phải chịu lãi suất trên số nợ gốc chưa trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên theo quy định pháp luật.

Ngày 10/11/2020, ông T và bà T có đơn kháng cáo với nội dung:

+ Đề nghị buộc UBND xã C.Lcùng có trách nhiệm liên đới với Hợp tác xã Nông nghiệp C.Ltrong việc thanh toán số tiền 37.000.000đ + tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán kể từ 05/8/1995 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

+ Buộc UBND xã C.Lvà Hợp tác xã Nông nghiệp C.Lphải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tính trên 40.000.000đ từ ngày 05/8/1995 đến 31/12/2003 theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước.

Ngày 12/11/2020, HTX có đơn kháng cáo với nội dung: không chấp nhận thanh toán tiền lãi cho ông T và bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là ông T, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Bị đơn HTX giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện

đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án; phân tích các tài liệu chứng cứ vụ án. Đại diện VKSND thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông N.V.T và bà N.T.T, của đại diện Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.Lnộp trong hạn luật định theo quy định pháp luật nên xác định hợp lệ và được chấp nhận xem xét.

II/ Xét nội dung đơn kháng cáo của các bên cho thấy:

[1]. Các bên đương sự trong vụ án đều công nhận về việc ông N.V.T và bà N.T.T nộp số tiền 40.000.000đ cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.Ltheo Phiếu thu số 06 ngày 09/1/1994 (BL 07) do người nộp là bà N.T.T nộp tiền mua đất mua đất khu Đống Lủi, C.L. Có đóng dấu của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.L.

Do ông T, bà T không đủ tiêu chuẩn để được mua suất đất khu Đống Lủi, nên Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.Lđã trả cho ông bà 3.000.000đ vào khoảng cuối năm 2003 đầu năm 2004, còn 37.000.000đ chưa trả được.

Lý do chưa trả 37.000.000đ theo đại diện Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.Llý giải vì ông bà không đồng ý nhận mà vẫn yêu cầu UBND xã C.Lgiao đất.

[2]. Tòa án sơ thẩm đã nhận định: Số tiền vợ chồng ông T nộp vào Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - kinh doanh tổng hợp C.L40.000.000đ theo Phiếu thu số 06 ngày 09/1/1994 của HTX C.Llà số tiền mua đất. Do ông bà không đủ tiêu chuẩn được mua đất, nên ông bà đã được HTX C.Lhoàn trả 3.000.000đ, còn lại 37.000.000đ. Tòa án sơ thẩm đã buộc HTX C.Lhoàn trả nốt số tiền 37.000.000đ cho ông T và bà T là đúng. Các bên đương sự không kháng cáo về phần quyết định này, nên giữ nguyên như án sơ thẩm đã tuyên.

[2.1]. Xét kháng cáo của ông T, bà T yêu cầu tính lãi số tiền 40.000.000đ đã nộp vào HTX C.Lkể từ ngày 05/8/1995 đến ngày 31/12/2003 như sau:

Lý do vợ chồng ông T nộp tiền 40.000.000đ cho HTX C.L: là để ông bà đặt mua suất đất ở Đống Lủi, không phải số tiền HTX C.Lvay nợ của ông bà.

Sau kết quả họp bàn triển khai về việc xét tiêu chuẩn mua đất, HTX C.Lđã hoàn trả vợ chồng ông T khoản tiền 3.000.000đ và chủ nhiệm HTX

C.Lthông báo cho ông bà biết do ông bà không đủ điều kiện được cấp đất.

Như vậy, kể từ thời điểm HTX C.Lhoàn trả ông bà khoản tiền 3.000.0000đ trong tổng số tiền đã nộp 40.000.000đ thì ông bà không còn điều kiện gì để tham gia mua xuất đất ở Đống Lủi nữa. Lẽ ra HTX C.Lphải hoàn trả toàn bộ số tiền 40.000.000đ ông bà đã nộp theo phiếu thu. Tuy nhiên, HTX C.Lmới chỉ hoàn lại cho ông bà 1 phần tiền. Còn lại 37.000.000đ HTX C.Lchưa trả. Tòa án sơ thẩm đã xem xét và xác định quyền lợi của ông bà đối với số tiền 37.000.000đ chưa được đảm bảo kể từ ngày 01/1/2004 là có cơ sở và buộc HTX C.Lphải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chưa trả này. Nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông bà về việc tính lãi số tiền nộp ban đầu là 40.000.000đ kể từ ngày 05/8/1995.

Trên cơ sở xác định về thời gian HTX C.Lphải trả ngay số tiền 37.000.000đ cho vợ chồng ông T là ngày 01/01/2004 nhưng HTX C.Lchưa trả được. Tòa án sơ thẩm đã căn cứ quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9% năm để tính lãi của số tiền 37.000.000đ kể từ ngày 01/01/2004 đến ngày 28/10/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là có căn cứ. Và số tiền lãi được tính là 56.027.250đ để buộc HTX C.Lphải trả cho vợ chồng ông T là đúng.

* Xét kháng cáo của ông T và bà T về việc buộc Hợp tác xã C.Lvà Ủy ban nhân dân xã C.Lphải có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà số tiền 37.000.000đ và trả tiền lãi:

HĐXX xét thấy: Hợp tác xã C.Llà đơn vị trực tiếp thu số tiền của ông T và bà T để ông bà mua suất đất ở Đống Lủi. Sau khi xét các điều kiện, ông bà không đủ tiêu chuẩn nên Hợp tác xã C.Lđã lên phương án để trả lại tiền cho ông bà. Cùng thời gian nộp tiền với ông bà Trọng, còn các ông bà khác cũng nộp tiền vào Hợp tác xã C.Lđể được xét mua suất đất. Những trường hợp không đủ tiêu chuẩn mua, Hợp tác xã C.Lđã hoàn trả toàn bộ tiền cho họ. Như vậy, Hợp tác xã C.Llà đơn vị thu tiền của các ông bà thì có trách nhiệm hoàn trả lại tiền khi xét tiêu chuẩn mà người nộp tiền không đủ điều kiện; không phải trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã C.L. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T và bà T.

* Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - Kinh doanh tổng hợp C.L(sau đây gọi tắt là HTX C.L) kháng cáo cho rằng ông T và bà T không nhận lại số tiền còn lại là do ông bà có động cơ tính toán với mục đích để đòi được đất. Vì vậy Hợp tác xã C.Lkhông chấp nhận trả tiền lãi cho ông bà. Nhưng ông T và bà T không công nhận lý do này, Hợp tác xã C.Lcũng không xuất trình được tài liệu nào khác. Như

phân tích trên thì Tòa án sơ thẩm đã buộc Hợp tác xã C.Lphải có trách nhiệm trả tiền lãi của số tiền 37.000.000đ kể từ 01/01/2004 đến 28/10/2020 là có căn cứ. Nên không chấp nhận nội dung kháng cáo của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - Kinh doanh tổng hợp C.L.

[3]. Từ những phân tích trên, giữ nguyên án sơ thẩm.

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - Kinh doanh tổng hợp C.Lphải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của BLTTDS: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 201/2020/DS-ST ngày 28+31/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, thành phố Hà Nội.

Căn cứ các Điều 116; Điều 117; khoản 4 Điều 275; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp đòi tài sản (tiền)" của ông N.V.T và bà N.T.T đối với Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp - Kinh doanh Tổng hợp C.L(trước đây là Hợp tác xã Nông nghiệp C.L).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông N.V.T và bà N.T.T về việc buộc Ủy ban nhân dân xã C.Lphải giao đất cho ông N.V.T và bà N.T.T.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông N.V.T và bà N.T.T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C.Lphải có trách nhiệm liên đới trong việc thanh toán trả khoản tiền gốc và tiền lãi cho ông T và bà T.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông N.V.T và bà N.T.T về việc buộc Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp - Kinh doanh Tổng hợp C.L(trước đây là Hợp tác xã Nông nghiệp C.L) phải thanh toán khoản tiền lãi đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 05/8/1995 đến ngày 31/12/2003 với số tiền lãi là 30.240.000 đồng.

5. Buộc Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp - Kinh doanh Tổng hợp C.L(trước đây là Hợp tác xã Nông nghiệp C.L) phải thanh toán trả cho ông N.V.T và bà N.T.T số tiền gốc là 37.000.000 đồng (Ba bảy triệu đồng), số tiền lãi là 56.027.250 đồng (Năm sáu triệu, không trăm hai bảy nghìn, hai trăm năm mươi đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 93.027.250 đồng (Chín ba triệu, không trăm hai bảy nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

6. Kể từ ngày 29/10/2020 hàng tháng Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp - Kinh doanh Tổng hợp C.L(trước đây là Hợp tác xã Nông nghiệp C.L) còn phải chịu lãi suất trên số nợ gốc chưa trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ.

7. Về án phí:

7.1. Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp - Kinh doanh Tổng hợp C.L(trước đây là Hợp tác xã Nông nghiệp C.L) phải chịu 4.651.362 đồng (Bốn triệu, sáu trăm năm mốt nghìn, ba trăm sáu hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông N.V.T và bà N.T.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 1.512.000 đồng (Một triệu, năm trăm mười hai nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.623.437 đồng (ba triệu, sáu trăm hai ba nghìn, bốn trăm ba bảy đồng) theo biên lai thu số 0008898 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.A - Thành phố Hà Nội, ông T và bà T được nhận lại 2.111.437 đồng (Hai triệu, một trăm mười một nghìn, bốn trăm ba bảy đồng).

7.2. Án phí DSPT: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - Kinh doanh tổng hợp C.Lphải chịu án phí DSPT 300.000đ và được đối trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0008545 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.A, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân H. Đ.A
- Chi cục THADS H. Đ.A
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thiện